

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý I năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý I năm 2021 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính và thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính

Trong Quý I năm 2021, không có dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính nên không thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính.

(Biểu mẫu số II.01b/VPCP/KSTT tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này)

2. Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính

Trong Quý I năm 2021, không có dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính nên không có hoạt động thẩm định.

(Biểu mẫu số II.02c/VPCP/KSTT tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này)

3. Công bố, công khai thủ tục hành chính

- Trong Quý I năm 2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 19 quyết định công bố thủ tục hành chính và danh mục thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. Trong tổng số 259 thủ tục hành chính được công bố, có: 21 thủ tục hành chính ban hành mới, 226 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và 13 thủ tục hành chính bãi bỏ.

- Trên cơ sở thủ tục hành chính được công bố, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiến hành địa phương hóa, cập nhật và thực hiện công khai kịp thời, đầy đủ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

(Biểu số 03b/VPCP/KSTT tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này)

4. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 29 ngày 01 tháng 2021 Kế hoạch rà soát, đánh giá 18 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của 11 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh TTHC năm 2021; trong đó: 01 TTHC thuộc lĩnh vực Quản lý giá và công sản (Sở Tài chính), 01 TTHC thuộc lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (Sở Công Thương), 03 TTHC thuộc lĩnh vực Địa chất khoáng sản, Tài nguyên nước, Đất đai (Sở Tài nguyên và Môi trường), 01 TTHC thuộc lĩnh vực Văn hóa cơ sở (Sở Văn hóa và Thể thao), 01 TTHC thuộc lĩnh vực Đường bộ (Sở Giao thông vận tải), 01 TTHC thuộc lĩnh vực Lữ hành (Sở Du lịch), 01 TTHC thuộc lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động (Sở Lao động – Thương binh và Xã hội), 06 TTHC thuộc lĩnh vực Dược phẩm, Khám bệnh, chữa bệnh (Sở Y tế), 01 TTHC thuộc lĩnh vực Bưu chính (Sở Thông tin và Truyền thông) và 01 TTHC thuộc về lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ).

(Biểu số II.04/VPCP/KSTT tại Phụ lục kèm theo Báo cáo)

5. Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính

Trong kỳ báo cáo, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp nhận, chuyển đến các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý và trả lời 07 phản ánh, kiến nghị, trong đó:

- Số tiếp nhận mới trong kỳ: 7
- Số từ kỳ trước chuyển qua: 0
- Số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 1
- Số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 6
- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý và đăng tải công khai: 6
- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 1

(Biểu số II.05b/VPCP/KSTT tại Phụ lục kèm theo Báo cáo)

6. Tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

a) Thực hiện Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông giữa cơ quan Nhà nước và Công ty Điện lực Bình Định trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới trung áp trên địa bàn tỉnh, từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 3 năm 2021, đã thực hiện cấp điện qua lưới trung áp với tổng số 163 công trình; tổng thời gian giải quyết các thủ tục của ngành điện chậm nhất là 04 ngày/công trình và nhanh nhất là 01 ngày/công trình.

b) Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 108.899 (trực tuyến: 7.608; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 101.291); số từ kỳ trước chuyển qua: 6.816

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 107.674; trong đó, giải quyết trước hạn: 103.299, đúng hạn: 2.596, quá hạn: 1.779

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 8.041; trong đó, trong hạn: 7.873, quá hạn: 168

(Biểu số II.06c/VPCP/KSTT tại Phụ lục kèm theo Báo cáo)

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

- Nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định. Trên cơ sở đó, ngày 25 tháng 02 năm 2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 983/UBND-KST về việc triển khai Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định nhằm đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị, địa phương tích cực nghiên cứu, triển khai các nội dung công việc có liên quan đến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị.

- Trong Quý I năm 2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 21 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 30 thủ tục hành chính liên thông và 69 thủ tục hành chính không liên thông.

8. Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- Công tác triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo thực hiện¹, nhất là đẩy mạnh việc thực hiện thanh toán trực tuyến đối với các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có quy định thu phí, lệ phí. Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố 188 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 157 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh². Trong quý I năm 2021 số lượng hồ sơ trực tuyến được các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tiếp nhận xử lý là 7.608 hồ sơ.

- Tính đến nay, đã có 182/248 dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia có phát sinh giao dịch với số lượng hồ sơ tiếp nhận là 43.784 hồ sơ; trong đó đang giải quyết là 604 hồ sơ, đã giải quyết

¹ Công văn số 1327/UBND-KSTT ngày 15/03/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trên địa bàn tỉnh; Công văn số 597/VPUBND-KSTT ngày 23/12/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hoàn thiện chức năng thanh toán trực tuyến dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; Kế hoạch số 98/KH-VPUBND ngày 09/03/2021 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai xây dựng Đề án “Phát huy vai trò của thanh niên trong công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cho người dân tại khu dân cư trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 – 2026”.

² Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 11/03/2021 Công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Định; Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 19/03/2021 Điều chỉnh Danh mục dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

43.180 hồ sơ; có 225 giao dịch thanh toán trực tuyến qua Nền tảng hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia với số tiền là 541.620.000 đồng³.

- Dịch vụ "Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính" và sử dụng lại kết quả bản sao chứng thực điện tử để thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 tiếp tục được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm thực hiện. Tính đến ngày 18 tháng 3 năm 2021, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Phòng Tư pháp cấp huyện trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 7.137 hồ sơ chứng thực điện tử, trong đó đã hoàn thành 6.341 hồ sơ. Các địa phương tích cực triển khai Dịch vụ "Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính", bao gồm: huyện Hoài Ân (5413 bản), thành phố Quy Nhơn (383 bản) và huyện Tây Sơn (197 bản) (*Phụ lục I kèm theo*).

- Ủy ban nhân dân các huyện Hoài Ân, An Lão, Vĩnh Thạnh và Vân Canh đã triển khai hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với thủ tục "Cấp phép xây dựng" (*Phụ lục II kèm theo*).

- Dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính lĩnh vực đất đai được quan tâm đẩy mạnh việc thực hiện với tổng số tiền thanh toán là 541.620.624 đồng. Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả bao gồm: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (42 giao dịch, tổng số tiền thanh toán là 79.462.342 đồng); Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn (23 giao dịch, tổng số tiền thanh toán là 112.351.063 đồng); Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân (66 giao dịch, tổng số tiền thanh toán là 213.895.780 đồng); Ủy ban nhân dân huyện An Lão (49 giao dịch, tổng số tiền thanh toán là 41.273.348 đồng) và Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn (29 giao dịch, tổng số tiền thanh toán là 68.568.964 đồng) (*Phụ lục III kèm theo*).

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 03 tháng 03 năm 2021 về tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh năm 2021 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền về lợi ích thiết thực (tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, chi phí giấy tờ) của việc nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và nộp hồ sơ thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích để khuyến khích người dân, doanh nghiệp thực hiện; thông qua việc kết hợp tuyên truyền trên các phương tiện thông tin truyền thống với việc tận dụng, tranh thủ mặt tích cực, nhạy bén của mạng xã hội (Zalo, Facebook) để đổi mới hình thức tuyên truyền.

Trong quý I năm 2021, các cơ quan, đơn vị, địa phương và phương tiện truyền thông trên địa bàn tỉnh thường xuyên có tin, bài, phóng sự liên quan đến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bình Định đã phát phóng sự và đưa tin

³ 02 dịch vụ công có chức năng thanh toán trực tuyến phát sinh nhiều giao dịch là: "Cấp Phiếu lý lịch tư pháp" phát sinh 53 giao dịch, "Đăng ký thành lập hộ kinh doanh" phát sinh 15 giao dịch.

tuyên truyền về việc nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã chú trọng hoàn thiện về mặt thể chế, ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử⁴ góp phần tạo hành lang pháp lý ổn định cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất các nhiệm vụ được giao; phục vụ tốt cho công tác đánh giá, so sánh tương quan kết quả thực hiện, đảm bảo tính khách quan, công bằng, minh bạch; đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã quyết liệt đưa ra nhiều giải pháp để khắc phục tình trạng giải quyết hồ sơ trễ hạn, nhất là trên lĩnh vực đất đai, đầu tư. Nhờ đó, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hạn trên địa bàn tỉnh theo số liệu thống kê trên Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh tại thời điểm chốt số liệu báo cáo chiếm tỷ lệ 4,57%, trong đó: Trung tâm Phục vụ hành chính công 0,57%, cấp huyện 2,7% và cấp xã 1,3%.

- Xác định việc kết nối liên thông Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh với các phần mềm chuyên ngành dùng chung của các Bộ, ngành Trung ương là giải pháp then chốt để triển khai hiệu quả, thực chất dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tích cực chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tích hợp Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh với các phần mềm dùng chung của Bộ, ngành trung ương.

- Công tác sử dụng Phần mềm Một cửa điện tử để gửi, nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính ngày càng đi vào nề nếp, phát huy hiệu quả tích cực. Việc cung cấp Dịch vụ “Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính”, Dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính lĩnh vực đất đai và dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với thủ tục “Cấp phép xây dựng” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia ngày càng được quan tâm, tập trung chỉ đạo triển khai hiệu quả theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ, trong đó huyện Hoài Ân là đơn vị tiên phong dẫn đầu, thực hiện cung cấp hiệu quả tất cả dịch vụ được triển khai.

- Công tác thông tin, tuyên truyền được quan tâm, đẩy mạnh thực hiện đã góp phần phát huy hiệu quả, từng bước nâng cao hơn nữa nhận thức của đội ngũ, công chức, viên chức và nhân dân về cải cách thủ tục hành chính, nhất là việc thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến. Hoạt động kiểm tra công tác giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông từng bước được đổi mới thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phát huy hiệu quả sử dụng Hệ thống phần mềm một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công của tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

⁴ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh”.

- Công tác thông tin báo cáo định kỳ từng bước đi vào nề nếp, cơ bản đáp ứng yêu cầu về mặt nội dung và thời gian gửi báo cáo. Một số cơ quan, đơn vị đã kịp thời thông tin báo cáo những vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn triển khai nhiệm vụ, đáp ứng tốt cho công tác lãnh đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

- Lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn chưa thực sự quan tâm, quyết liệt trong thực hiện công tác cải cách hành chính và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Vẫn còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa chủ động, tích cực đề ra giải pháp đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến phụ thuộc hoàn toàn vào sự tự giác của doanh nghiệp, người dân dẫn đến số lượng giao dịch hồ sơ trực tuyến phát sinh còn thấp, không đảm bảo theo quy định.

- Mặc dù Ủy ban nhân dân tỉnh đã có chỉ đạo quyết liệt nhưng một vài cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn còn tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại bộ phận chuyên môn, không thông qua Bộ phận Một cửa. Nhiều hồ sơ thủ tục hành chính không cập nhật đầy đủ trên Phần mềm Một cửa điện tử theo đúng quy định tại Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 ban hành Quy chế hoạt động Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

- Chất lượng công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử của nhiều cơ quan, đơn vị chưa thực hiện chế độ báo cáo Quý I năm 2021 theo quy định, cụ thể: Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Ngoại vụ, Thanh tra tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Công an tỉnh (*Cụ thể tại Phụ lục IV*).

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG QUÝ II NĂM 2021

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cải cách thủ tục hành chính, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; chỉ đạo, quán triệt và tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh (ban hành tại Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh), Quy chế hoạt động Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Bình Định (ban hành tại Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh), Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định (ban hành tại Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021).

2. Tập trung chỉ đạo xây dựng các quy chế liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính đối với nhóm thủ tục hành chính có liên quan đến nhiều cơ quan

theo phương châm: người dân, doanh nghiệp chỉ phải đến một nơi duy nhất và nộp hồ sơ một lần để đề nghị cơ quan nhà nước giải quyết cùng một nội dung công việc nhưng có quy định nhiều hơn một thủ tục hành chính, nhằm góp phần tiết kiệm chi phí, tiết kiệm thời gian và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp trong công tác giải quyết thủ tục hành chính.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo quyết liệt việc cung cấp dịch vụ “Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và sử dụng lại kết quả bản sao chứng thực điện tử để thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

4. Bổ sung các tính năng tiện ích để nâng cao hiệu quả sử dụng của Cổng Dịch vụ công và Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh, nhất là kết nối liên thông với các phần mềm chuyên ngành dùng chung của các Bộ, ngành Trung ương để triển khai hiệu quả, thực chất dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, nhất là kiểm tra đột xuất các nội dung liên quan đến việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại các đơn vị địa phương cấp huyện, cấp xã.

6. Tổ chức Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và sơ kết 2 năm thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Văn phòng Chính phủ xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Kiểm soát TTHC (b/c);
- Cục Tin học hóa (b/c);
- Vụ Cải cách hành chính (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- VNPT Bình Định;
- Bưu điện tỉnh;
- BIDV Bình Định;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Lưu: VT, KSTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

Phụ lục I
Thống kê số lượng bản sao chứng thực điện tử từ bản chính
trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2021 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị	Số liệu tính đến ngày 18/3/2021		Số liệu tính đến ngày 20/12/2020	
		Số lượng hoàn thành (Đơn vị tính: bản sao)	Tổng số	Số lượng hoàn thành (Đơn vị tính: bản sao)	Tổng số
1	UBND huyện Hoài Ân	5413	6041	3758	3969
2	UBND thành phố Quy Nhơn	383	429	322	354
3	UBND huyện Tây Sơn	197	223	186	217
4	UBND thị xã Hoài Nhơn	73	89	71	84
5	UBND huyện An Lão	80	101	67	87
6	UBND huyện Vĩnh Thạnh	36	52	34	49
7	UBND huyện Phù Mỹ	81	111	29	45
8	UBND huyện Vân Canh	6	10	5	5
9	UBND thị xã An Nhơn	7	8	3	5
10	UBND huyện Tuy Phước	13	16	3	5
11	UBND huyện Phù Cát	52	57	2	5
TỔNG CỘNG:		6341	7137	4480	4825

Ghi chú: Tổng số bao gồm hồ sơ hoàn thành, hồ sơ bị huỷ và hồ sơ chờ đóng dấu để trả kết quả./.

Phụ lục II
Tình hình thực hiện 02 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên lĩnh vực xây dựng
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2021 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị	Số lượng hồ sơ giao dịch đối với dịch vụ công trực tuyến “Cấp phép xây dựng” của UBND cấp huyện		Số lượng hồ sơ giao dịch đối với dịch vụ công trực tuyến “Cung cấp thông tin quy hoạch” của Sở Xây dựng	
		Trực tuyến mức độ 4	Trực tiếp, BCCI	Trực tuyến mức độ 4	Trực tiếp, BCCI
1	Thành phố Quy Nhơn	1	535	-	-
2	Thị xã An Nhơn	0	197	-	-
3	Huyện Tuy Phước	0	51	-	-
4	Huyện Phù Cát	0	57	-	-
5	Huyện Phù Mỹ	1	37	-	-
6	Thị xã Hoài Nhơn	0	342	-	-
7	Huyện Hoài Ân	35	0	-	-
8	Huyện Vân Canh	4	7	-	-
9	Huyện Tây Sơn	0	0	-	-
10	Huyện An Lão	4	0	-	-
11	Huyện Vĩnh Thạnh	15	1	-	-
12	Sở Xây dựng	-	-	1	0
TỔNG CỘNG		60	1.227	1	

Ghi chú: Số liệu tính từ lúc bắt đầu triển khai dịch vụ (ngày 28/12/2020) đến ngày 18/3/2021./.

Phụ lục III
Tình hình thực hiện giao dịch thanh toán
trực tuyến nghĩa vụ tài chính lĩnh vực đất đai
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2021 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị	Phương thức trực tuyến	
		Số hồ sơ thanh toán trực tuyến	Tổng số tiền thanh toán (đồng)
1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	42	79.462.342
2	Thành phố Quy Nhơn	23	112.351.063
3	Thị xã An Nhơn	7	13.000.089
4	Huyện Tuy Phước	4	3.164.825
5	Huyện Phù Cát	3	8.459.500
6	Huyện Phù Mỹ	0	0
7	Thị xã Hoài Nhơn	29	68.568.964
8	Huyện Hoài Ân	66	213.895.780
9	Huyện Vân Canh	0	0
10	Huyện Tây Sơn	2	1.444.713
11	Huyện An Lão	49	41.273.348
12	Huyện Vĩnh Thạnh	0	0
TỔNG CỘNG		225	541.620.624

Ghi chú: Số liệu tính từ lúc bắt đầu triển khai dịch vụ (ngày 20/12/2020) đến ngày 18/3/2021./.

Phụ lục IV

Danh sách các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chế độ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính năm 2020

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2021 của UBND tỉnh Bình Định)

Ghi chú:

Chế độ báo cáo được quy định cụ thể tại Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, cụ thể như sau:

- Thời hạn đánh giá việc thực hiện chế độ báo cáo Quý I năm 2020 là “**Đúng hạn**”: Báo cáo được gửi trước ngày 19 tháng 3 năm 2021 theo quy định nêu trên;
- Thời hạn đánh giá việc thực hiện báo cáo Quý I năm 2021 là “**Trễ hạn**”: Báo cáo được nhận trong khoảng thời gian sau ngày 19 tháng 3 năm 2021;
- Thời hạn đánh giá các cơ quan, đơn vị “**KHÔNG thực hiện báo cáo**”: Báo cáo được gửi sau ngày 20 tháng 12 năm 2021.
- Việc chốt số liệu Báo cáo Quý I/2021 theo quy định từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021.

(Việc xác định thời gian nhận được báo cáo là thời điểm bộ phận Văn thư của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Báo cáo bằng văn bản điện tử hoặc Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Báo cáo đã được Lãnh đạo cơ quan, đơn vị ký duyệt tại địa chỉ email kstt@vpub.binhding.gov.vn)

ST T	Cơ quan, đơn vị	Đã thực hiện báo cáo				KHÔNG thực hiện báo cáo	GHI CHÚ (Ngày nhận được Báo cáo)	Đánh giá chất lượng Báo cáo
		Bảng văn bản	Gửi Email	Đúng hạn	Trễ hạn			
I. CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG (6 CƠ QUAN)								
1	Cục Hải quan tỉnh	59/BC-HQ ngày 18/3/2021	X	X				Đạt
2	Bảo hiểm xã hội tỉnh	400/BC- BHXH ngày 17/03/2021		X			17/03/2021	Đạt
3	Cục Thuế tỉnh					X		
4	Ngân hàng nhà nước tỉnh	230/BC- BIĐ2 ngày 17/03/2021		X			17/03/2021	Đạt
5	Kho bạc nhà nước tỉnh	110/KBBĐ- VP ngày 19/03/2021		X			19/03/2021	Đạt

ST T	Cơ quan, đơn vị	Đã thực hiện báo cáo				KHÔNG thực hiện báo cáo	GHI CHÚ (Ngày nhận được Báo cáo)	Đánh giá chất lượng Báo cáo
		Bảng văn bản	Gửi Email	Đúng hạn	Trễ hạn			
6	Công an tỉnh					X		
II. CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC TỈNH (20 CƠ QUAN)								
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	54/BC- SNN ngày 18/03/2021		X			18/03/2021	Đạt
8	Sở Ngoại vụ					X		
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	202/BC- SKHĐT ngày 18/03/2021		X			18/03/2021	Đạt
10	Sở Xây dựng					X		
11	Sở Văn hóa và Thể thao	350/BC- SVHTT ngày 17/03/2021		X			17/03/2021	Đạt
12	Sở Du lịch	188/BC- SDL ngày 17/03/2021		X			17/03/2021	Đạt
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	478/BC- SGDĐT ngày 18/03/2021		X			18/03/2021	Đạt
14	Sở Thông tin và Truyền thông					X		
15	Sở Y tế					X		
16	Sở Giao thông vận tải	13/BC- SGTVT ngày 15/03/2021		X			17/03/2021	Đạt
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	47/BC- STNMT ngày 19/03/2021		X			19/03/2021	Đạt

ST T	Cơ quan, đơn vị	Đã thực hiện báo cáo				KHÔNG thực hiện báo cáo	GHI CHÚ (Ngày nhận được Báo cáo)	Đánh giá chất lượng Báo cáo
		Bảng văn bản	Gửi Email	Đúng hạn	Trễ hạn			
18	Sở Công Thương	43/BC-SCT ngày 19/03/2021		X			19/03/2021	Đạt
19	Sở Khoa học và Công nghệ	42/BC- SKHCN ngày 17/03/2021		X			17/03/2021	Đạt
20	Sở Tư pháp	65/BC-STP ngày 19/03/2021		X			19/03/2021	Đạt
21	Sở Tài chính	60/BC-STC ngày 17/03/2021		X			17/03/2021	Đạt
22	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	641/BC- SLĐTBXH ngày 19/03/2021		X			19/03/2021	Chốt số liệu chưa đúng trên hệ thống IGate
23	Thanh tra tỉnh					X		
24	Ban Dân tộc	179/BC- BDT ngày 19/03/2021		X			19/03/2021	Đạt
25	Sở Nội vụ	25/BC- SNV ngày 19/03/2021		X			19/03/2021	Đạt
26	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	44/BC- BQL ngày 19/03/2021		X			19/03/2021	Đạt
III. UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ (11 ĐƠN VỊ)								
27	Hoài Ân	34/BC- UBND ngày 11/03/2021		X			15/03/2021	Chốt số liệu sớm hơn quy định (đã gửi lại số liệu)
28	Phù Cát	49/BC- UBND ngày 19/03/2021		X			19/03/2021	Đạt
29	Vân Canh	39/BC- UBND ngày 19/03/2021		X			19/03/2021	Đạt

ST T	Cơ quan, đơn vị	Đã thực hiện báo cáo				KHÔNG thực hiện báo cáo	GHI CHÚ (Ngày nhận được Báo cáo)	Đánh giá chất lượng Báo cáo
		Bảng văn bản	Gửi Email	Đúng hạn	Trễ hạn			
30	Hoài Nhơn	70/BC-UBND ngày 18/03/2021		X			19/03/2021	Đạt
31	Phù Mỹ	46/BC-UBND ngày 19/03/2021		X			19/03/2021	Đạt
32	An Lão	72/BC-UBND ngày 17/03/2021		X			19/03/2021	Đạt
33	Tuy Phước	61/BC-UBND ngày 19/03/2021		X			19/03/2021	Đạt
34	Vĩnh Thạnh	50/BC-UBND ngày 18/03/2021		X			19/03/2021	Đạt
35	Tây Sơn	82/BC-UBND ngày 19/03/2021		X			19/03/2021	Đạt
36	An Nhơn	49/BC-UBND ngày 19/03/2021		X			19/03/2021	Đạt
37	Quy Nhơn	64/BC-UBND ngày 18/03/2021		X			19/03/2021	Đạt
37		30		30		7		

Biểu số II.01b/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý I Năm 2021
(Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021)

- Đơn vị báo cáo:
UBND cấp tỉnh.
- Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

STT	Tên dự thảo văn bản QPPL được đánh giá tác động của TTHC	Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động					Số lượng TTHC được quy định tại văn bản (sau khi ban hành)	
		Tổng số TTHC được đánh giá tác động	TTHC được quy định mới	TTHC được sửa đổi, bổ sung	TTHC được bãi bỏ	TTHC được giữ nguyên	Tổng số TTHC được quy định	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản
(1)	(2)	(3) = (4)+ (5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		0	0	0	0	0	0	0
	TỔNG SỐ	0	0	0	0	0	0	0

Biểu số II.02c/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH
TẠI DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ĐỊA
PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý I Năm 2021
(Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021)

- Đơn vị báo cáo:
UBND cấp tỉnh.

- Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

STT	Tên cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo	Tổng số		Số lượng TTHC được thẩm định theo tên loại VBQPPL			
				Quyết định của UBND		Nghị quyết của HĐND	
		TTHC	VBQPPL	Số lượng TTHC	Số lượng VB QPPL	Số lượng TTHC	Số lượng VB QPPL
(1)	(2)	(3) = (5)+(7)	(4) = (6)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
1		0	0	0	0	0	0
TỔNG SỐ		0	0	0	0	0	0

Biểu số IL.03b/VPCP/KSTT

KẾT QUẢ CÔNG BỐ, CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Quý I Năm 2021
(Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021)

- Đơn vị báo cáo:
UBND cấp tỉnh.
- Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

I. CÔNG BỐ DANH MỤC TTHC, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA TRUNG ƯƠNG

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Sở Tư pháp	3	-	16	3	13		16	-	195
2	Sở Xây dựng	3	-	23	6	14	3	20	3	81
3	Sở Văn hóa và Thể thao	2	-	142	4	131	8	134	8	137
4	Sở Giao thông vận tải	1	-	1	-	1	-	1	-	64
5	Sở Y tế	1	-	1	1	-	-	1	-	122
6	Sở Nội vụ	1	-	20	6	14	-		-	146
7	Sở Du lịch	2	-	37	-	37	-	37	-	32
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	4	-	16	1	13	2	14	2	121
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	-	1	-	1	-	1	-	142
10	Sở Thông tin và Truyền thông	1	-	2	-	2	-	2	-	44
	Tổng cộng	19	-	259	21	226	13	226	13	

STT	Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch	Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa	Phương án đơn giản hóa TTHC						Số tiền tiết kiệm được (đồng/năm)	Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa
			Số lượng TTHC giữ nguyên	Số lượng TTHC bãi bỏ	Số lượng TTHC sửa đổi bổ sung	Số lượng TTHC thay thế	Số lượng TTHC liên thông	Số lượng TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
THEO KẾ HOẠCH RÀ SOÁT CỦA UBND CẤP TỈNH											
TTH quy định tại VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, cơ quan/ UBND cấp tỉnh											
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (17 TTHC)											
I. Sở Tài chính											
1	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	1			1						
II. Sở Công Thương											
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1			1						
III. Sở Tài nguyên và Môi trường											
3	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	1			1						
4	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	1			1						
5	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp										
IV. Sở Văn hóa và Thể thao											

[illegible]

13	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm										
14	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế xã										
15	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế										
IX. Sở Thông tin và Truyền thông											
16	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)	1			1						
X. Sở Khoa học và Công nghệ											
17	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	1			1						
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)											
SỞ TƯ PHÁP											
Lĩnh vực Hộ tịch											
18	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1			1						
Tổng cộng: 18 TTHC		18			18						

Biểu số IL.05b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH,
KIẾN NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ
HÀNH VI HÀNH CHÍNH CỦA BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý I Năm 2020

(Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021)

- Đơn vị báo cáo:

+ UBND cấp tỉnh.

- Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: Số PAKN.

STT	Tên ngành, lĩnh vực có PAKN	Số lượng PAKN được tiếp nhận					Kết quả xử lý PAKN								Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai
		Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Đã xử lý				Đang xử lý				
			Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ	Tổng số	Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ	Tổng số	Hành vi hành chính	Quy định hành chính	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)=(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+(10) =(11)+(12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(14)+ (15)	(14)	(15)	(16)
1	Dân sự	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1
2	Tổ tụng dân sự	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1
3	Tài nguyên và Môi trường	3	2	1	0	3	2	2	0	0	2	1	0	1	2
4	Quân sự	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1
5	Công an	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1
TỔNG CỘNG		7	6	1	0	7	6	6	0	0	6	1	0	1	6

Biểu số II.06c/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP TỈNH**

Kỳ báo cáo: Quý I Năm 2021
(Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021)

- Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh.

- Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)
A.	Tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp tỉnh											
I	Ban Dân tộc tỉnh Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Dân tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định	159	58	82	19	136	135	0	1	23	23	0
1	Lao động, Tiền lương, Quan hệ lao động	18	18	0	0	16	16	0	0	2	2	0
2	Xuất nhập khẩu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Quản lý hoạt động thương mại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Đất đai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Quy hoạch xây dựng	70	0	65	5	63	62	0	1	7	7	0
7	Đầu tư	53	35	6	12	43	43	0	0	10	10	0

8	Môi trường	18	5	11	2	14	14	0	0	4	4	0
III	Sở Công Thương tỉnh Bình Định	2460	2318	61	81	2337	76	2260	1	123	123	0
1	Hoạt động xây dựng	18	0	15	3	16	16	0	0	2	2	0
2	Công nghiệp địa phương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Dầu khí	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Quản Lý Cạnh Tranh	9	0	7	2	9	9	0	0	0	0	0
5	An toàn thực phẩm	5	0	3	2	3	3	0	0	2	2	0
6	Công nghiệp hỗ trợ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Điện	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0
8	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Khoa học công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Năng lượng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Thương Mại Quốc Tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Hóa Chất	3	0	3	0	3	3	0	0	0	0	0
13	Kinh doanh khí	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0
14	Vật liệu nổ công nghiệp	3	0	3	0	1	1	0	0	2	2	0
15	Lưu thông hàng hóa trong nước	33	0	28	5	27	27	0	0	6	6	0
16	Giám định thương mại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Nhập khẩu thép	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Xúc tiến thương mại	2387	2318	0	69	2276	15	2260	1	111	111	0
IV	Sở Du lịch tỉnh Bình Định	43	40	1	2	40	40	0	0	3	3	0
1	Dịch vụ Du lịch khác	6	5	0	1	6	6	0	0	0	0	0
2	Lữ hành	37	35	1	1	34	34	0	0	3	3	0
V	Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Định	4031	591	2863	577	3326	3314	12	0	705	705	0

1	Đường thủy nội địa	24	3	21	0	21	20	1	0	3	3	0
2	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Vận tải	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Đường bộ	4007	588	2842	577	3305	3294	11	0	702	702	0
VI	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định	205	2	168	35	171	171	0	0	34	34	0
1	Hệ thống văn bản, chứng chỉ	90	2	88	0	90	90	0	0	0	0	0
2	Giáo dục và Đào tạo	115	0	80	35	81	81	0	0	34	34	0
3	Quy chế thi, tuyển sinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
VII	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định	14	8	4	2	12	12	0	0	2	2	0
1	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	11	8	1	2	9	9	0	0	2	2	0
2	Hoạt động khoa học và công nghệ	3	0	3	0	3	3	0	0	0	0	0
3	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Sở hữu trí tuệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
VIII	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định	1233	0	1176	57	1193	1149	2	42	40	40	0
1	Đầu tư tại Việt nam	79	0	52	27	57	51	0	6	22	22	0
2	Nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Đăng ký hợp tác xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Đầu tư bằng nguồn vốn ODA	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	1154	0	1124	30	1136	1098	2	36	18	18	0

7	Thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Đấu thầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Đăng ký kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IX	Sở Lao Động - Thương Binh và Xã Hội tỉnh Bình Định	815	127	589	99	741	739	1	1	74	74	0
1	Việc làm	77	71	3	3	68	67	1	0	9	9	0
2	Phòng, chống tệ nạn xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Lao động - Tiền lương	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0
4	An toàn lao động	2	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0
5	Trẻ em	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Người Có Công	733	54	584	95	668	667	0	1	65	65	0
7	Quản lý lao động ngoài nước	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0
8	Bảo Trợ Xã Hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Giáo dục nghề nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
X	Sở Ngoại vụ tỉnh Bình Định	3	2	1	0	2	2	0	0	1	1	0
1	Lãnh sự và người Việt Nam ở nước ngoài	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0
2	Hội nghị, hội thảo quốc tế	2	1	1	0	1	1	0	0	1	1	0
3	Hợp tác quốc tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lễ tân ngoại giao	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
XI	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định	2078	1718	241	119	1955	1954	1	0	123	123	0

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

33	Quản lý hoạt động xây dựng	1651	2	1444	205	1083	1062	5	16	568	568	0
34	Quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện	5	0	5	0	4	3	0	1	1	1	0
35	Quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	6	0	6	0	6	6	0	0	0	0	0
36	Thi đua, khen thưởng	746	435	212	99	620	612	3	5	126	126	0
37	Thuế	11	0	10	1	11	10	0	1	0	0	0
38	Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	1190	239	920	31	1158	1130	9	19	32	31	1
39	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã	52	0	23	29	41	32	0	9	11	10	1
40	Thư viện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
41	Thủy lợi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Thủy sản	2	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0
43	Trẻ em	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
44	Tài nguyên nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
45	Tín ngưỡng, tôn giáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
46	Tổ chức - Biên chế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
47	Việc làm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
48	Văn hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
49	Văn hóa cơ sở	82	53	23	6	81	68	1	12	1	1	0
50	Vệ sinh thực phẩm	54	0	41	13	50	50	0	0	4	4	0
51	Xuất bản, In, Phát hành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
52	Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
53	Xây dựng chính quyền	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
54	Đăng ký biện pháp bảo đảm	10289	0	10140	149	10154	10141	3	10	135	131	4

[illegible]

21	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Thư viện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Thể dục thể thao	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Thủy lợi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Trẻ em	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Trồng Trọt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Tín ngưỡng, tôn giáo	7	0	7	0	7	7	0	0	0	0	0
28	Việc làm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Văn hóa cơ sở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Xây dựng chính quyền	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
31	Đăng ký biện pháp bảo đảm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Đất đai	44	0	16	28	20	18	0	2	24	4	20
TỔNG CỘNG		115715	7608	101291	101291	107674	103299	2596	1779	8041	7873	168

Biểu số II.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ”
TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý I Năm 2021
(Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021)

- Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh.

- Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: TTHC, %.

I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)+(14)	(12)	(13)	(14)
I	Ban Dân tộc	9	3	3	3	9	3	3	3	9	3	3	3
1	Dân tộc	9	3	3	3	9	3	3	3	9	3	3	3
II	Ban Quản lý khu kinh tế	64	64	0	0	64	64	0	0	64	64	0	0
1	Lao động, Tiền lương, Quan hệ lao động	6	6	0	0	6	6	0	0	6	6	0	0
2	Môi trường	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
3	Quy hoạch xây dựng	11	11	0	0	11	11	0	0	11	11	0	0
4	Quản lý hoạt động thương mại	8	8	0	0	8	8	0	0	8	8	0	0
5	Xuất nhập khẩu	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
6	Đất đai	6	6	0	0	6	6	0	0	6	6	0	0
7	Đầu tư	26	26	0	0	26	26	0	0	26	26	0	0
III	Công an	14	0	14	0	14	0	14	0	14	0	14	0
1	Cấp, quản lý chứng minh nhân dân	2	0	2	0	2	0	2	0	2	0	2	0
2	Đăng ký, quản lý cư trú	12	0	12	0	12	0	12	0	12	0	12	0

IV	Sở Công Thương	136	124	12	0	136	124	12	0	136	124	12	0
1	An toàn thực phẩm	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
2	Công nghiệp hỗ trợ	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
3	Công nghiệp địa phương	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
4	Dầu khí	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
5	Giám định thương mại	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
6	Hoạt động xây dựng	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
7	Hóa Chất	7	7	0	0	7	7	0	0	7	7	0	0
8	Khoa học công nghệ	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
9	Kinh doanh khí	27	24	3	0	27	24	3	0	27	24	3	0
10	Lưu thông hàng hóa trong nước	35	26	9	0	35	26	9	0	35	26	9	0
11	Nhập khẩu thép	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
12	Quản Lý Cảnh Tranh	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
13	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
14	Thương Mại Quốc Tế	21	21	0	0	21	21	0	0	21	21	0	0
15	Vật liệu nổ công nghiệp	7	7	0	0	7	7	0	0	7	7	0	0
16	Xúc tiến thương mại	6	6	0	0	6	6	0	0	6	6	0	0
17	Điện	13	13	0	0	13	13	0	0	13	13	0	0
V	Sở Du lịch	32	26	6	0	32	26	6	0	32	26	6	0
1	Dịch vụ Du lịch khác	11	6	5	0	11	6	5	0	11	6	5	0
2	Lữ hành	21	20	1	0	21	20	1	0	21	20	1	0
VI	Sở Giao thông vận tải	64	64	0	0	64	64	0	0	64	64	0	0
1	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
2	Đường bộ	52	52	0	0	52	52	0	0	52	52	0	0
3	Đường thủy nội địa	11	11	0	0	11	11	0	0	11	11	0	0
VII	Sở Giáo dục và Đào tạo	121	77	39	5	121	77	39	5	118	74	39	5
4	Giáo dục và Đào tạo	111	69	37	5	111	69	37	5	110	68	37	5
5	Hệ thống văn bằng, chứng chỉ	4	2	2	0	4	2	2	0	4	2	2	0
6	Quy chế thi, tuyển sinh	6	6	0	0	6	6	0	0	4	4	0	0
VIII	Sở Khoa học và Công nghệ	62	62	0	0	62	62	0	0	62	62	0	0
1	Hoạt động khoa học và công nghệ	31	31	0	0	31	31	0	0	31	31	0	0

2	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	7	7	0	0	7	7	0	0	7	7	0	0
3	Sở hữu trí tuệ	6	6	0	0	6	6	0	0	6	6	0	0
4	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	18	18	0	0	18	18	0	0	18	18	0	0
IX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	184	150	30	4	184	150	30	4	183	149	30	4
1	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	7	7	0	0	7	7	0	0	7	7	0	0
2	Nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài	9	9	0	0	9	9	0	0	9	9	0	0
3	Thuế	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	1
4	Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	6	0	6	0	6	0	6	0	6	0	6	0
5	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	69	69	0	0	69	69	0	0	69	69	0	0
6	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã	24	0	24	0	24	0	24	0	24	0	24	0
7	Thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	15	15	0	0	15	15	0	0	14	14	0	0
8	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0	3
9	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
10	Đăng ký hợp tác xã	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
11	Đăng ký kinh doanh	6	6	0	0	6	6	0	0	6	6	0	0
12	Đấu thầu	4	4	0	0	4	4	0	0	4	4	0	0
13	Đầu tư bằng nguồn vốn ODA	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
14	Đầu tư tại Việt nam	30	30	0	0	30	30	0	0	30	30	0	0
15	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
X	Sở Lao Động - Thương Binh và Xã Hội	177	78	45	54	177	78	45	54	176	78	44	54
1	An toàn lao động	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
2	Bảo Trợ Xã Hội	28	6	12	10	28	6	12	10	28	6	12	10
3	Chứng thực	11	0	0	11	11	0	0	11	11	0	0	11
4	Giáo dục nghề nghiệp	7	5	2	0	7	5	2	0	6	5	1	0
5	Lao động, Tiền lương	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0

6	Lao động - Tiền lương	8	8	0	0	8	8	0	0	8	8	0	0
7	Lao động, Tiền lương, Quan hệ lao động	2	0	2	0	2	0	2	0	2	0	2	0
8	Người Có Công	77	33	22	22	77	33	22	22	77	33	22	22
9	Phòng, chống tệ nạn xã hội	9	5	1	3	9	5	1	3	9	5	1	3
10	Quản lý lao động ngoài nước	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
11	Trẻ em	9	2	2	5	9	2	2	5	9	2	2	5
12	Việc làm	17	11	3	3	17	11	3	3	17	11	3	3
XI	Sở Ngoại vụ	7	7	0	0	7	7	0	0	7	7	0	0
1	Hội nghị, hội thảo quốc tế	4	4	0	0	4	4	0	0	4	4	0	0
2	Hợp tác quốc tế	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
3	Lãnh sự và người Việt Nam ở nước ngoài	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
5	Lễ tân ngoại giao	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
XII	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	142	112	19	11	142	112	19	11	140	111	18	11
1	Bảo vệ Thực vật	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
2	Chăn nuôi	4	4	0	0	4	4	0	0	4	4	0	0
3	Hoạt động xây dựng	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
4	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	9	3	3	3	9	3	3	3	9	3	3	3
5	Lâm nghiệp	18	14	4	0	18	14	4	0	17	14	3	0
6	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	13	10	2	1	13	10	2	1	13	10	2	1
7	Phòng chống thiên tai	10	5	2	3	10	5	2	3	10	5	2	3
8	Quản lý chất lượng Nông lâm và Thủy Sản	6	6	0	0	6	6	0	0	6	6	0	0
9	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
10	Quản lý xây dựng công trình	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0
11	Thú Y	15	15	0	0	15	15	0	0	15	15	0	0
12	Thủy lợi	29	21	5	3	29	21	5	3	29	21	5	3
13	Thủy sản	25	22	3	0	25	22	3	0	25	22	3	0
14	Trồng Trọt	3	2	0	1	3	2	0	1	3	2	0	1

XIII	Sở Nội Vụ	146	86	44	16	146	86	44	16	134	80	38	16
1	Chính quyền địa phương	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
2	Quản lý công chức, viên chức	12	9	3	0	12	9	3	0	9	9	0	0
3	Quản lý nhà nước về công tác thanh niên	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
4	Quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	37	19	18	0	37	19	18	0	35	17	18	0
5	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	9	9	0	0	9	9	0	0	9	9	0	0
6	Quản lý nhà nước về tôn giáo	35	35	0	0	35	35	0	0	35	35	0	0
7	Quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ	3	3	0	0	3	3	0	0	2	2	0	0
8	Thi đua, khen thưởng	13	0	8	5	13	0	8	5	13	0	8	5
9	Tín ngưỡng, tôn giáo	18	0	8	10	18	0	8	10	18	0	8	10
10	Tổ chức - Biên chế	12	6	6	0	12	6	6	0	6	3	3	0
11	Xây dựng chính quyền	3	1	1	1	3	1	1	1	3	1	1	1
XIV	Sở Thông tin và Truyền thông	44	38	6	0	44	38	6	0	44	38	6	0
1	Báo chí	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
2	Bưu chính, viễn thông và internet	6	6	0	0	6	6	0	0	6	6	0	0
3	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	16	12	4	0	16	12	4	0	16	12	4	0
4	Xuất bản, In, Phát hành	17	15	2	0	17	15	2	0	17	15	2	0
XV	Sở Tài chính	54	35	15	4	54	35	15	4	54	35	15	4
1	Quản lý công sản	24	5	15	4	24	5	15	4	24	5	15	4
2	Quản lý giá và công sản	25	25	0	0	25	25	0	0	25	25	0	0
3	Tài chính doanh nghiệp	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
XVI	Sở Tài nguyên và Môi trường	148	112	34	2	148	112	34	2	143	111	30	2
1	Biển và hải đảo	12	12	0	0	12	12	0	0	12	12	0	0
2	Chi cục QL đất đai - LV đất đai	13	13	0	0	13	13	0	0	12	12	0	0
3	Khí tượng thủy văn	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
4	Môi trường	14	12	1	1	14	12	1	1	14	12	1	1
5	Nhà ở và công sở	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
6	Thuế	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0

7	Tài nguyên nước	18	16	2	0	18	16	2	0	18	16	2	0
8	Văn phòng đăng ký đất đai -LV đất đai	27	27	0	0	27	27	0	0	27	27	0	0
9	Đăng ký biện pháp bảo đảm	9	9	0	0	9	9	0	0	9	9	0	0
10	Đất đai	32	0	31	1	32	0	31	1	28	0	27	1
11	Địa chất và Khoáng sản	18	18	0	0	18	18	0	0	18	18	0	0
XVII	Sở Tư pháp	195	118	41	36	195	118	41	36	190	116	39	35
1	Bồi thường nhà nước	6	3	2	1	6	3	2	1	3	3	0	0
2	Chứng thực	12	0	12	0	12	0	12	0	12	0	12	0
3	Công chứng	27	27	0	0	27	27	0	0	27	27	0	0
4	Giám định tư pháp	8	8	0	0	8	8	0	0	8	8	0	0
5	Hòa giải cơ sở	6	0	1	5	6	0	1	5	6	0	1	5
6	Hòa giải thương mại	9	9	0	0	9	9	0	0	9	9	0	0
7	Hộ tịch	36	1	16	19	36	1	16	19	36	1	16	19
8	Luật sư	14	14	0	0	14	14	0	0	14	14	0	0
9	Lý lịch tư pháp	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
10	Nuôi con nuôi	7	4	1	2	7	4	1	2	5	2	1	2
11	Quản tài viên	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
12	Quốc tịch	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
13	Thừa phát lại	13	13	0	0	13	13	0	0	13	13	0	0
14	Trọng Tài Thương Mại	6	6	0	0	6	6	0	0	6	6	0	0
15	Trợ giúp pháp lý	6	6	0	0	6	6	0	0	6	6	0	0
16	Tư vấn pháp luật	6	6	0	0	6	6	0	0	6	6	0	0
17	Đăng ký biện pháp bảo đảm	18	0	9	9	18	0	9	9	18	0	9	9
18	Đấu giá tài sản	8	8	0	0	8	8	0	0	8	8	0	0
XVIII	Sở Văn hóa và Thể thao	137	100	28	9	137	100	28	9	137	100	28	9
1	Di sản Văn hóa	14	14	0	0	14	14	0	0	14	14	0	0
2	Dân số	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	1
3	Gia đình	18	12	6	0	18	12	6	0	18	12	6	0
4	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	12	12	0	0	12	12	0	0	12	12	0	0
5	Nghệ thuật biểu diễn	4	4	0	0	4	4	0	0	4	4	0	0
6	Nhập khẩu văn hóa phẩm nhằm mục đích kinh doanh	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0

7	Quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện	3	0	3	0	3	0	3	0	3	0	3	0
8	Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
9	Thư viện	9	3	3	3	9	3	3	3	9	3	3	3
10	Thể dục thể thao	36	35	0	1	36	35	0	1	36	35	0	1
11	Văn hóa	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0
12	Văn hóa cơ sở	31	12	15	4	31	12	15	4	31	12	15	4
13	Xuất, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
14	Điện ảnh	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
XIX	Sở Xây dựng	81	56	23	2	81	56	23	2	81	56	23	2
1	Cấp giấy phép xây dựng	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
2	Giám định tư pháp xây dựng	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
3	Hoạt động xây dựng	9	9	0	0	9	9	0	0	9	9	0	0
4	Hạ tầng kỹ thuật	7	0	5	2	7	0	5	2	7	0	5	2
5	Kinh doanh bất động sản	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
6	Nhà ở và công sở	11	11	0	0	11	11	0	0	11	11	0	0
7	Phát triển đô thị	4	4	0	0	4	4	0	0	4	4	0	0
8	Quy hoạch kiến trúc	8	8	0	0	8	8	0	0	8	8	0	0
9	Quy hoạch xây dựng	4	3	1	0	4	3	1	0	4	3	1	0
10	Quy hoạch, kiến trúc	2	0	2	0	2	0	2	0	2	0	2	0
11	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0
12	Quản lý hoạt động xây dựng	14	0	14	0	14	0	14	0	14	0	14	0
13	Vật liệu xây dựng	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
14	Xây dựng	13	13	0	0	13	13	0	0	13	13	0	0
XX	Sở Y tế	122	120	1	1	122	120	1	1	121	120	1	0
1	An toàn thực phẩm	4	4	0	0	4	4	0	0	4	4	0	0
2	Dược	41	41	0	0	41	41	0	0	41	41	0	0
3	Gia dụng và y tế	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
4	Khám chữa bệnh	63	63	0	0	63	63	0	0	63	63	0	0
5	Mỹ phẩm	4	4	0	0	4	4	0	0	4	4	0	0

6	Phòng, chống HIV/AIDS	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
7	Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em	1	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0
8	Trang thiết bị y tế	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
9	Vệ sinh thực phẩm	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0
TỔNG CỘNG		1939	1432	360	147	1939	1432	360	147	1909	1418	346	145

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỦA CẤP TỈNH, HUYỆN

STT	Lĩnh vực	Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Lao động, tiền lương	1	100%
2	Lao động, tiền lương, quan hệ xã hội	2	100%
3	Đăng ký biện pháp bảo đảm	9	100%
4	Giáo dục nghề nghiệp	1	100%
5	Tín ngưỡng, tôn giáo	8	100%
6	Hạ tầng kỹ thuật	4	100%
7	Thi đua, khen thưởng	8	100%
8	Quản lý hoạt động xây dựng	9	100%
9	Quy hoạch, kiến trúc	2	100%
10	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	1	100%
11	Vệ sinh thực phẩm	1	100%
12	Bảo trợ xã hội	12	100%
13	Chứng thực	12	100%
14	Dịch vụ du lịch khác	5	100%
15	Gia đình	6	100%
16	Giáo dục và Đào tạo	37	100%
17	Hộ tịch	16	100%

STT	Lĩnh vực	Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ
18	Kinh doanh khí	3	100%
19	Lâm nghiệp	3	100%
20	Lưu thông hàng hóa trong nước	9	100%
21	Lữ hành	1	100%
22	Môi trường	1	100%
23	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	100%
24	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	4	100%
25	Phòng, chống tệ nạn xã hội	1	100%
26	Quy hoạch xây dựng	1	100%
27	Quản lý công sản	15	100%
28	Quản lý Nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	18	100%
29	Thuế	1	100%
30	Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	6	100%
31	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã	16	100%
32	Thư viện	3	100%
33	Thủy lợi	5	100%
34	Thủy sản	3	100%
35	Trẻ em	2	100%
36	Tài nguyên nước	2	100%
37	Văn hóa cơ sở	13	100%
38	Xuất bản, in, phát hành	2	100%
39	Xây dựng chính quyền	1	100%

STT	Lĩnh vực	Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ
40	Đất đai	27	100%
41	Hòa giải ở cơ sở	1	100%
42	Hệ thống văn bản, chứng chỉ	2	100%
43	Tổ chức – Biên chế	3	100%
TỔNG CỘNG		284	100%

Biểu số II.08/VPCP/KSTT

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ CỦA BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA
PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý I Năm 2021
(Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021)

- Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh.

- Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
A	DVCTT THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO							
II	CẤP TỈNH							
1	Lĩnh vực lao động – thương bình và xã hội							
1.1	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	x	x	34	x	x	28	1
1.2	Tên thủ tục: Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	x	x	13				1
x2	Lĩnh vực đăng ký kinh doanh							
2.1	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				x	x	203	0
2.2	Giải thể doanh nghiệp	x	x	1				0

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
2.3	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh				x	x	0	0
3	Lĩnh vực Thú y							
3.1	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	x	x	50				1
4	Lĩnh vực Thủy sản							
4.1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	x	x	558				1
4.2	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	x	x	1398				1
5	Lĩnh vực môi trường							
5.1	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	x	x	28				1
6	Lĩnh vực đất đai							
6.1	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	x	x	739				0

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
6.2	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	x	x	4447				1
7	Lĩnh vực Xuất bản, In, Phát hành							
7.1	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	x	x	168				1
7.2	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)					x	20	0
8	Lĩnh vực Báo chí							
8.1	Cho phép hợp báo (trong nước)				x	x	3	1
8.2	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)	x	x	1				1
9	Lĩnh vực tư pháp							

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
9.1	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam				x	x	7730	1
9.2	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	x	x	0				1
9.3	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	x	x	1				1
10	Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng							
10.1	Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	x	x	4150				0
11	Lĩnh vực Nhà ở và công sở							
11.1	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua				x	x	6	1
12	Lĩnh vực y tế							

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
12.1	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ				x	x	287	1
12.2	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược				x	x	1	1
12.3	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)				x	x	7	1
12.4	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ				x	x	3	1
12.5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền).				x	x	1	1

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
12.6	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế(Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)				x	x	12	1
12.7	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động				x	x	0	0
12.8	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)	x	x	1				1
12.9	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	x	x	16				1

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
12.10	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	x	x	0				0
12.11	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	x	x	0				0
12.12	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	x	x	49				1
12.13	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	x	x	3				1
12.14	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế				x	x	538	1

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
12.15	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế				x	x	19	1
12.16	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế				x	x	2	1
12.17	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế				x	x	129	1
12.18	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế				x	x	0	0
12.19	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A				x	x	0	0
12.20	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D				x	x	0	0

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
12.21	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	x	x	3				1
12.22	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế	x	x	0				0
12.23	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	x	x	5				1
12.24	Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	x	x	18				1
12.25	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	x	x	1				1
12.26	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế				x	x	6	1
12.27	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	x	x	1				1
12.28	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x	x	1				1

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
13	Lĩnh vực văn hóa							
13.1	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng-rôn	x	x	243				1
13.2	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo				x	x	3	1
13.3	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	x	x	25				1
13.4	Thủ tục thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu	x	x	38				1
14	Lĩnh vực du lịch							
14.1	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa				x	x	86	1
14.2	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế				x	x	7	1
14.3	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch				x	x	0	0
14.4	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa				x	x	46	1

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
14.5	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	x	x	21				1
15	Lĩnh vực nội vụ							
15.1	Thủ tục thành lập hội	x	x	2				1
15.2	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	x	x	3				1
15.3	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường	x	x	16				1
15.4	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	x	x	0				0
15.5	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ	x	x	0				0
15.6	Thủ tục hợp nhất, sát nhập, chia, tách quỹ	x	x	0				0
15.7	Thủ tục đổi tên quỹ cấp tỉnh	x	x	0				0
15.8	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	x	x	146				0
15.9	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	x	x	52				0

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
15.10	Thủ tục Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	x	x	25				0
15.11	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc	x	x	80				0
16	Lĩnh vực Công Thương							
16.1	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	x	x	48				1
16.2	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	x	x	20				1
16.3	Thông báo hoạt động khuyến mại				x	x	5585	1
16.4	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	X	x	5				1
17	Lĩnh vực hệ thống văn bằng, chứng chỉ							
17.1	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc				x	x	555	1
18	Lĩnh vực khoa học và công nghệ							

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
18.1	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	x	x	26				1
18.2	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	x	x	27				1
18.3	Thủ tục cấp mới và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	x	x	10				1
18.4	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	x	x	2				1
18.5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	x	x	0				1
18.6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	x	x	3				1
18.7	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	x	x	2				1
IIIx	CẤP HUYỆN							
1	Lĩnh vực Công Thương							
1.1	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu				x	x	34	1

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
1.2	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu				x	x	2	1
1.3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu				x	x	3	1
2	Lĩnh vực nội vụ							
2.1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	x	x	39				1
2.2	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	x	x	41				1
2.3	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	x	x	4				1
2.4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	x	x	361				1
2.5	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	x	x	67				1
2.6	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	x	x	78				1
2.7	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	x	x	171				1
3	Lĩnh vực đăng ký kinh doanh							
3.1	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	x	x	485				1

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
3.2	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	x	x	1				1
3.3	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	x	x	1850				1
3.4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	x	x	34				1
3.5x	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	x	x	592				1
4	Lĩnh vực hộ tịch							
4.1	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	x	x	2				1
4.2	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	x	x	9				1
5	Lĩnh vực văn hóa							
5.1	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn				x	x	266	1
5.2	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo				x	x	19	0
IV	CẤP XÃ							
1	Lĩnh vực tư pháp							
1.1	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	x	x	3169				1

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
2.5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	x	x	14510				1
	TỔNG CỘNG							
B	DVCTT DO BỘ, CƠ QUAN, UBND TỈNH CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI							
II	CẤP TỈNH							
1	Quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập							
1.1	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ		x	0				0
1.2	Thủ tục đổi tên quỹ cấp tỉnh		x	0				0
1.3	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường		x	16				1
1.4	Thủ tục hợp nhất, sát nhập, chia, tách quỹ		x	0				0
1.5	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội		x	3				1
1.6	Thủ tục thành lập hội		x	2				1
1.7	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ		x	0				0
2	Báo chí							0
2.1	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)					x	20	0
2.2	Cho phép hợp báo (trong nước)					x	3	1

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
3	Bưu chính, viễn thông và internet							0
3.1	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)		x	1				1
4	Bảo vệ Thực vật							0
4.1	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)					x	17	1
5	Cấp giấy phép xây dựng							0
5.1	Cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng, công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị, công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.		x	122				0
6	Thú Y							0
6.1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y		x	12				1
6.2	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y					x	5	1

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
6.3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y		x	3				1
6.4	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)		x	50				1
7	Đường bộ							
7.1	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ		x	39				1
7.2	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô					x	66	1
7.3	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo		x	68				1
7.4	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp		x	8				1
7.5	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện					x	36	1
7.6	Cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện					x	132	1

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
7.7	Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch					x	0	0
7.8	Cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch					x	0	0
7.9	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch					x	0	0
7.10	Đăng ký khai thác tuyến.		x	41				1
7.11	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng.					x	15	1
7.12	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)					x	901	1

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
7.13	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)					x	395	1
7.14	Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán công trình giao thông		x	78				0
8	Địa chất và Khoáng sản							0
8.1	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản		x	18				1
8.2	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản		x	14				1
8.3	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản		x	18				1
9	Đăng ký biện pháp bảo đảm							
9.1	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất		x	739				0
10	Đường thủy nội địa							
10.1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa		x	17				x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
11	Đầu tư tại Việt nam							
11.1	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư		x	0				
11.2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		x	0				
11.3	Chuyển nhượng dự án đầu tư		x	0				
11.4	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương		x	0				
11.5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư		x	22				
11.6	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài		x	0				
11.7	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài		x	11				
11.8	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư		x	0				
11.9	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		x	0				

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
11.10	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		x	0				
11.11	Giãn tiến độ đầu tư		x	2				
11.12	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		x	0				
11.13	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế		x	0				
11.14	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)		x	32				
11.15	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		x	0				
12	Đầu tư							
12.1	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL		x	0				
12.2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư _BQL		x	0				
12.3	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý		x	20				x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
12.4	Quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý		x	85				x
12.5	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư). BQL		x	8				x
12.6	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL		x	2				x
13	Dược							
13.1	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc		x	0				
13.2	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước		x	3				x
13.3	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc		x	49				x
13.4	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh		x	0				

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
13.5	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt		x	0				
13.6	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		x	16				x
13.7	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)		x	1				x
13.8	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động					x	0	

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
13.9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế(Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền)					x	12	x
13.10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền).					x	1	x
13.11	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ					x	3	x
13.12	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)					x	7	x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
13.13	Cấp Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề được bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề được					x	1	x
13.14	Cấp Chứng chỉ hành nghề được (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề được bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật được)theo hình thức xét hồ sơ					x	287	x
14	Dịch vụ Du lịch khác							
14.1	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch		x	21				x
15	Gia dụng và y tế							
15.1	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm		x	1				x
15.2	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		x	1				x
16	Hoạt động khoa học và công nghệ							

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
16.1	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ		x	2				x
16.2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ		x	0				x
16.3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ		x	3				x
16.4	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ		x	2				x
17	Hợp tác quốc tế							
17.1	Cho phép tiếp nhận viện trợ phi dự án của cá nhân, tổ chức nước ngoài		x	2				
18	Hệ thống văn bằng, chứng chỉ							
18.1	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc					x	555	x
19	Khám chữa bệnh							
19.1	Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế		x	18				x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
19.2	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế		x	5				x
19.3	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế		x	0				
19.4	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế					x	6	x
19.5	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II.		x	7				x
19.6	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế					x	538	x
19.7	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		x	3				x
19.8	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế					x	25	x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
19.9	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế					x	129	x
19.10	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		x	1				x
19.11	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế					x	19	x
19.12	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế					x	2	x
19.13	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự		x	4				x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
19.14	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện		x	1				x
19.15	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng		x	40				x
20	Lữ hành							
20.1	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa					x	46	x
20.2	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài		x	0				
20.3	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện		x	0				
20.4	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng* hoặc bị tiêu hủy		x	0				

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
20.5	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài		x	0				
20.6	Thủ tục công nhận điểm du lịch		x	0				x
20.7	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch					x	0	
20.8	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa					x	86	x
20.9	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế					x	7	x
20.10	Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài		x	0				
20.11	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa		x	11				x
21	Lao động - Tiền lương							
21.1	Tên thủ tục: Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp		x	13				x
22	Lao động, Tiền lương, Quan hệ lao động							
22.1	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp		x	39				

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Công Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
22.2	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam					x	15	x
22.3	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam					x	28	x
22.4	Tên thủ tục: Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp		x	14				x
22.5	Thủ tục: Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp		x	15				x
23	Lý lịch tư pháp							
23.1	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam					x	7730	x
23.2	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)		x	0				x
23.3	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)		x	1				x
24	Lâm nghiệp							
24.1	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp					x	59	x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
24.2	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES		x	15				x
25	Lãnh sự và người Việt Nam ở nước ngoài							
25.1	Xét, cho phép sử dụng thẻ ABTC cho doanh nhân trên địa bàn tỉnh		x	6				
26	Môi trường							
26.1	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường		x	7				x
26.2	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường		x	21				x
26.3	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại		x	6				x
26.4	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án		x	17				x
26.5	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án		x	33				x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
27	Người Có Công							
27.1	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		x	149				
27.2	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần		x	1466				
27.3	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công từ trần		x	68				
27.4	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh		x	16				x
27.5	Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công		x	147				x
27.6	Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng					x	140	x
27.7	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		x	1020				
28	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân							

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
28.1	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)		x	26				x
28.2	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)		x	27				x
28.3	Thủ tục cấp mới và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)		x	10				x
29	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn							
29.1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón		x	133				x
29.2	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón		x	8				x
30	Nhà ở và công sở							
30.1	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua					x	6	x
31	Nghệ thuật biểu diễn							
31.1	Thủ tục thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu		x	38				x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
31.2	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương		x	25				x
32	Quy hoạch kiến trúc							
32.1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh		x	39				x
32.2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh		x	160				x
33	Quản lý chất lượng Nông lâm và Thủy Sản							
33.1	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)		x	1				x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
33.2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)		x	50				x
33.3	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản		x	1418				x
33.4	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản		x	213				x
34	Quản lý công sản							
34.1	Mua hóa đơn lẻ					x	22	x
35	Quản lý giá và công sản							
35.1	Quyết định thanh lý tài sản công					x	12	
35.2	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công					x	25	x
36	Quản lý lao động ngoài nước							
36.1	Thủ tục: Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp		x	7				x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
37	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng							
37.1	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại		x	8				
37.2	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề		x	6				
37.3	Thủ tục Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		x	25				
37.4	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		x	52				
37.5	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc		x	80				
37.6	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho gia đình		x	1				

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
37.7	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đột xuất		x	23				
37.8	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề		x	64				
37.9	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		x	146				
38	Quản lý nhà nước về tôn giáo							
38.1	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo		x	1				x
38.2	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo		x	4				x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
38.3	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh		x	1				x
38.4	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành		x	3				x
38.5	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		x	5				x
38.6	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo		x	17				x
38.7	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo		x	4				x
39	Quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ							
39.1	Thủ tục cấp, cấp lại, bổ sung lĩnh vực hành nghề của chứng chỉ hành nghề lưu trữ		x	0				
40	Văn phòng đăng ký đất đai - LV đất đai							

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
40.1	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường		x	81				x
40.2	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận		x	4447				x
41	Thuế							
41.1	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải					x	11	x
42	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp							
42.1	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác					x	0	

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
42.2	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng					x	0	
42.3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)					x	203	
42.4	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)					x	0	
42.5	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế					x	109	
42.6	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)					x	112	
42.7	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)					x	81	x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
42.8	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần					x	312	x
42.9	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp					x	0	
42.10	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp					x	0	
42.11	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế					x	0	
42.12	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp					x	0	
42.13	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh					x	0	
42.14	Giải thể doanh nghiệp		x	1				
42.15	Thông báo tạm ngừng kinh doanh					x	17	
42.16	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo					x	0	

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
42.17	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn					x	2	
42.18	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên					x	0	
42.19	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên					x	0	
42.20	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)					x	545	x
42.21	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)					x	0	
42.22	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần					x	0	
42.23	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)					x	1590	

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
42.24	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		x	142				
42.25	Bán doanh nghiệp tư nhân					x	0	
43	Tài nguyên nước							
43.1	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ		x	3				x
43.2	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác		x	3				x
43.3	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác		x	13				x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
43.4	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m3/ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m3/ngày đêm		x	1				x
43.5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m3/ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m3/ ngày đêm		x	3				x
43.6	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm		x	14				x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
43.7	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm (cấp tỉnh)		x	5				x
43.8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ		x	3				x
44	Thủy sản							
44.1	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá		x	3350				x
44.2	Cấp Giấy chứng nhận thăm định thiết kế tàu cá		x	253				x
44.3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá		x	558				x
44.4	Xóa đăng ký tàu cá		x	266				x
44.5	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển					x	267	x
44.6	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản		x	1398				x
44.7	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực		x	351				x
45	Trang thiết bị y tế							
45.1	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế					x	0	

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
45.2	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A					x	0	
45.3	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D					x	0	
46	Văn hóa cơ sở							
46.1	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo					x	3	x
46.2	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn		x	243				x
47	Việc làm							
47.1	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài					x	19	x
47.2	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam		x	13				
47.3	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam		x	34				x
48	Xuất bản, In, Phát hành							
48.1	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh		x	168				x
49	Xây dựng							

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
49.1	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành		x	275				x
49.2	Cấp Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III		x	319				x
49.3	Cấp lại Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III		x	2				x
49.4	Điều chỉnh, bổ sung Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)		x	150				x
49.5	Cấp Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III		x	419				x
49.6	Cấp nâng hạng Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III		x	19				x
49.7	Điều chỉnh, bổ sung Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III		x	16				x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
49.8	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP: do giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề)		x	1				x
49.9	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)		x	3				x
49.10	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp		x	1				x
50	Xuất nhập khẩu							
50.1	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O); ưu đãi mẫu D					x	4	
50.2	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O);					x	0	
51	Xúc tiến thương mại							

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
51.1	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		x	20				x
51.2	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		x	48				x
51.3	Thông báo hoạt động khuyến mại					x	5585	x
51.4	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam		x	5				x
51.5	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại					x	349	x
	TỔNG CỘNG		159	19898		74	20560	
III	CẤP HUYỆN							
1	Hộ tịch							
1.1	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		x	1				x
1.2	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài		x	1				x
1.3	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài		x	2				x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
1.4	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài		x	28				x
1.5	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)		x	0				x
1.6	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		x	2				x
1.7	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		x	9				x
2	Lưu thông hàng hóa trong nước							
2.1	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu					x	3	x
2.2	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu					x	34	x
2.3	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu					x	2	x
3	Quản lý hoạt động xây dựng							

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
3.1	Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.		x	4150				
4	Thi đua, khen thưởng							
4.1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất		x	39				x
4.2	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở		x	41				x
4.3	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại		x	4				x
4.4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề		x	361				x
4.5	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến		x	67				x
4.6	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến		x	78				x
4.7	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị		x	171				x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
5	Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh							
5.1	Nhóm thủ tục hành chính liên thông Đăng ký hộ kinh doanh và Đăng ký thuế của hộ kinh doanh					x	279	x
5.2	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh		x	485				x
5.3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh		x	1				x
5.4	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh		x	1850				x
5.5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh		x	34				x
5.6	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh		x	592				x
6	Văn hóa cơ sở							
6.1	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo					x	19	
6.2	Thủ tục Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn					x	266	x
	TỔNG CỘNG		20	7916		6	603	
IV	CẤP XÃ							
1	Chứng thực							
1.1	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc		x	3169				x

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
2	Hộ tịch							
2.1	Thủ tục đăng ký khai tử		x	6379				x
2.2	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con		x	23				x
2.3	Thủ tục đăng ký khai sinh		x	11264				x
2.4	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		x	55				x
2.5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		x	14510				x
2.6	Thủ tục đăng ký lại khai sinh		x	1050				x
2.7	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi		x	5056				x
2.8	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi		x	2271				x
3	Người Có Công							

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
3.1	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		x	30				x
3.2	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công từ trần		x	32				x
3.3	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ		x	0				x
3.4	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		x	322				x
	TỔNG CỘNG		13	44161		0	0	